UBND TỈNH TUYÊN QUANG **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT** Số: 234/BC-XSKT V/v Báo cáo giám sát Tài chính Quý I, năm 2026	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2026*

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
- Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Nghị định 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 102/2026/TT-BTC ngày 17/7/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang báo cáo giám sát Quý I, năm 2026, như sau:

1. Đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp Quý I, năm 2026.

Trong Quý I, năm 2026 Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang không phát sinh hoạt động đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp Quý I, năm 2026.

2.1. Việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp:

Căn cứ Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 31/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc giao chỉ tiêu định hướng kế hoạch năm 2026 đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong Quý I năm 2026 lũy kế cụ thể như sau:

- **Chỉ tiêu Tổng doanh thu:** Kế hoạch UBND tỉnh giao 71.567 triệu đồng, thực hiện được 19.805,37 triệu đồng đạt 27,67% so với kế hoạch.

- **Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế:** Kế hoạch UBND tỉnh giao 2.168 triệu đồng, thực hiện được -291,65 triệu đồng đạt -13,45% so với kế hoạch.

- **Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế:** Kế hoạch UBND tỉnh giao 1.735 triệu đồng, thực hiện được -291,65 triệu đồng đạt -16,81% so với kế hoạch.

- **Chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn nhà nước:** Kế hoạch UBND tỉnh giao 14,46%, thực hiện được -2,43%.

- Thuế, phí nộp ngân sách nhà nước: Kế hoạch UBND tỉnh giao 19.537 triệu đồng, thực hiện được 5.246,59 triệu đồng đạt 26,85% so với kế hoạch. *(không bao gồm thuế TNCN đã nộp 48,59 triệu đồng)*

- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN: Kế hoạch UBND tỉnh giao 1.693 triệu đồng, thực hiện được 423,54 triệu đồng đạt 25,02% so với kế hoạch.

2.2. Việc huy động và sử dụng vốn huy động; cho vay, cho thuê, thuê mua, thế chấp, cầm cố, mua, bán tài sản cố định, quản lý nợ phải thu, nợ phải trả, bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp.

a) Việc huy động và sử dụng vốn huy động:

+ Đầu tư dự án:

Công ty thực hiện 02 dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc phòng xổ số kiến thiết tại 02 huyện Sơn Dương và Chiêm Hóa, 02 dự án đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng chờ phê duyệt chấp thuận chủ trương nhận chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất để triển khai thực hiện; 01 dự án khảo sát, lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang .

+ Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Công ty không phát sinh hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

+ Huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Công ty không phát sinh hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn huy động.

b) Cho vay, cho thuê, thuê mua, thế chấp, cầm cố, mua, bán tài sản cố định:

Trong Quý I, năm 2026 Công ty không phát sinh hoạt động Cho vay, cho thuê, thuê mua, thế chấp, cầm cố, mua, bán tài sản cố định.

c) Quản lý nợ phải thu, nợ phải trả:

- Quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả

+ Quản lý tài sản: Doanh nghiệp thực hiện đầu tư mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản phù hợp với trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Hạch toán, mở sổ chi tiết theo dõi tài sản, thực hiện trích khấu hao tài sản theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Tổng tài sản đầu năm là 17,49 tỷ đồng, tổng tài sản cuối kỳ đạt 17,38 tỷ đồng, giảm 0,67%. Trong quý I năm 2026, công ty thực hiện trích khấu hao tài sản số tiền là 142,73 triệu đồng.

+ Tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế:

+ Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý nợ theo quy định tại Nghị định 206/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ từ năm 2014. Tình

hình quản lý nợ: các khoản nợ phải thu, phải trả được phân loại theo tính chất nợ, định kỳ được xác nhận đối chiếu và theo dõi theo từng đối tượng.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo: 573,56 triệu đồng; Trong đó:

+ Phải thu của khách hàng (TK 131): 130,65 triệu đồng (Số công nợ phải thu các loại vé xổ số thời điểm 31/03/2026 của Tổng đại lý xổ số có sổ tiết kiệm thế chấp tại công ty theo đúng quy định, tiền phải thu thuế TNCN của cán bộ công nhân viên và đại lý xổ số và tiền hạn mức trên các máy bán hàng xổ số Vietlott)

+ Trả trước cho người bán ngắn hạn (TK 331): 20,49 triệu đồng là khoản tiền tạm ứng cho đơn vị thực hiện đo đạc xây dựng trụ sở công trình phòng Xổ số kiến thiết huyện Chiêm Hóa, Sơn Dương và tiền trên tài khoản giao thông số.

+ Phải thu khác (TK 138): 138,86 triệu đồng là khoản phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn dự kiến hiện chưa thu thời điểm 31/03/2026.

+ Tạm ứng (TK141): 201,43 triệu đồng *(Số tiền tạm ứng để phục vụ đi công tác và tạm ứng trả thưởng chưa đến kỳ quyết toán tại công ty).*

+ Ký quỹ, ký cược (TK 244): 81,7 triệu đồng là khoản tiền góp tại Hội đồng Xổ số kiến thiết Miền Bắc.

+Phải trả, phải nộp khác: 0,3 triệu đồng.

- Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

+ Tổng số nợ phải trả là: 5.672,61 triệu đồng, Trong đó:

Nợ ngắn hạn: 5.015,61 triệu đồng

Nợ dài hạn: 657,00 triệu đồng

Trong tổng số Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 2.398,89 triệu đồng chiếm 42,29%; Người mua trả tiền trước ngắn hạn (đại lý mua vé xổ số) là 1.154,66 triệu đồng chiếm 20,35%; Phải trả ngắn hạn khác (hoa hồng tổng đại lý, đại lý xổ số và các khoản phải trả khối xổ số miền bắc) là 927,67 triệu đồng chiếm 16,35%; Quỹ khen thưởng phúc lợi là 404,14 triệu đồng chiếm 7,12%; Phải trả người lao động là 29,04 triệu đồng chiếm 0,51%; Phải trả người bán ngắn hạn là 100,19 triệu đồng chiếm 1,76%; Nợ dài hạn (tiền ký quỹ, ký cược đại lý xổ số) là 657,0 triệu đồng chiếm 11,58%.

+ Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp: Các khoản nợ của Công ty đều là nợ luân chuyển, nợ ngắn hạn do chưa đến thời điểm thanh toán nên Công ty không phát sinh thiệt hại nợ phải thu và không phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Đối với nợ phải trả đều nằm trong tầm quyền soát tài chính của Công ty.

+ Nợ phải trả quá hạn: Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn.

Khả năng thanh toán nợ đến hạn:

$$\text{Hệ số nợ phải trả trên Tổng tài sản} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{5.672,61 \text{ trđ}}{17.380,96 \text{ trđ}} = 0,33$$

$$\text{Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{5.672,61 \text{ trđ}}{12.000,00 \text{ trđ}} = 0,47$$

Chi tiêu thanh toán:

$$\text{Khả năng thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ phải trả}} = \frac{17.380,96 \text{ trđ}}{5.672,61 \text{ trđ}} = 3,06$$

$$\text{Khả năng thanh toán nợ đến hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{7.401,12 \text{ trđ}}{5.015,61 \text{ trđ}} = 1,48$$

$$\text{Khả năng thanh toán nợ đến hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{7.283,81 \text{ trđ}}{5.015,61 \text{ trđ}} = 1,45$$

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của công ty ở mức phù hợp, tình hình tài chính của công ty ổn định, đảm bảo thanh toán được các khoản nợ.

d) Việc bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp:

Vốn chủ sở hữu năm 2025 (31/12/2025) của công ty là: 12.000 triệu đồng

+ Trong đó:Vốn điều lệ : 12.000 triệu đồng

Vốn chủ sở hữu năm 2026 (31/03/2026) của công ty là: 12.000 triệu đồng

+ Trong đó:Vốn điều lệ : 12.000 triệu đồng

$$\text{Hệ số bảo toàn vốn (H)} = \frac{12.000 \text{ tr.đ}}{12.000 \text{ tr.đ}} = 1$$

=> Theo quy định Công ty bảo toàn và phát triển được vốn.

Tổng tài sản đến hết 31/03/2026: 17.380,96 triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế : -291,65 triệu đồng

Hiệu quả sử dụng vốn: Xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE); tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:

$$\text{ROA} = \frac{-291,65 \text{ trđ}}{17.380,96 \text{ trđ}} = -1,68\ \%$$

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu:

$$\text{ROE} = \frac{-291,65 \text{ trđ}}{12.000,00 \text{ trđ}} = -2,43\ \%$$

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần:

$$\text{ROS} = \frac{-291,65 \text{ tr.đ}}{19.805,37 \text{ tr.đ}} = -1,47\ \%$$

- Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính.

+ Về sản lượng tiêu thụ vé xổ số trong kỳ lũy kế:

Loại vé	ĐVT	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
Xổ số Bóc	**Vé**	**340.000**	**0**	**240.000**	**100.000**
Xổ số Bóc 5.000đ	Vé	300.000	0	200.000	100.000
Xổ số Bóc 10.000đ	Vé	40.000	0	40.000	0
Xổ số Cặp số	**Vé**	**536.690**	**250.000**	**246.290**	**540.400**
XS Cặp số 10.000đ	Vé	98.300	50.000	34.500	113.800
XS Cặp số 20.000đ	Vé	364.550	150.000	171.350	343.200
XS Cặp số 50.000đ	Vé	73.840	50.000	40.440	83.400
Xổ số Lô tô	**Vé**	**1.317.350**	**1.150.000**	**1.134.800**	**1.332.550**
XS Lôtô 5.000đ	Vé	223.400	200.000	166.600	256.800
XS Lôtô 10.000đ	Vé	623.700	700.000	643.700	680.000
XS Lôtô 20.000đ	Vé	207.850	250.000	280.400	177.450
XS Lôtô 50.000đ	Vé	262.400	0	44.100	218.300
Xổ số Lô tô 3/23	**Vé**	**98.300**	**0**	**0**	**98.300**
XS Lôtô 10.000đ	Vé	12.200	0	0	12.200
XS Lôtô 20.000đ	Vé	86.100	0	0	86.100
Xổ số Kiến thiết	**Vé**	**992.000**	**2.239.500**	**2.690.000**	**541.500**
XSKT 10.000đ	Vé	992.000	2.173.500	2.624.000	541.500
XSKT 20.000đ	Vé	0	66.000	66.000	0
Tổng cộng	**Vé**	**3.284.340**	**3.639.500**	**4.311.090**	**2.612.750**

+ Chỉ tiêu tài chính:

Doanh thu và thu nhập khác:

Doanh thu và thu nhập khác của Công ty được ghi nhận theo quy định của Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 24/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số và quy chế quản lý tài chính do Công ty ban hành.

Chỉ tiêu Tổng doanh thu quý I năm 2026, công ty đạt 19.805,37 triệu đồng, bằng 27,67% so với kế hoạch năm 2026 (71.567,00 triệu đồng), bằng 111,39% so với cùng kỳ thực hiện năm 2025 (17.779,02 triệu đồng).

Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là: 19.690,03 triệu đồng bằng 111,54% so với cùng kỳ thực hiện năm 2025 (17.652,10 triệu đồng); Doanh thu hoạt động tài chính là: 101,76 triệu đồng bằng 85,63% so với cùng kỳ thực hiện năm 2025 (118,83 triệu đồng); Thu nhập khác: 13,58 triệu đồng bằng 168,07% so với cùng kỳ thực hiện năm 2025 là (8,08 triệu đồng)

Về chi phí Công ty xây dựng quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành và áp dụng trong toàn công ty, tất cả các khoản chi đều trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Thực hiện quý I năm 2026 của Công ty:

Tổng chi phí: Quý I năm 2026, tổng chi phí là 20.097,02 triệu đồng bằng 114,71% so với với cùng kỳ thực hiện năm 2025 (17.519,65 triệu đồng), trong đó: Chi phí kinh doanh là 16.606,86 triệu đồng chiếm 82,63%/Tổng chi phí *(trong đó chi phí trả thưởng là 13.836,76 triệu đồng tăng 120,39% so với cùng kỳ là 11.492,89 triệu đồng, do khách hàng trúng thưởng nhiều)*; Chi phí quản lý doanh nghiệp là 3.487,36 triệu đồng chiếm 17,35%/Tổng chi phí; Chi phí khác là 2,79 triệu đồng chiếm 0,01%/Tổng chi phí.

So sánh với cùng kỳ chi phí kinh doanh là 16.606,86 triệu đồng bằng 118,31% so với so với cùng kỳ thực hiện năm 2025 (14.037,04 triệu đồng); Chi phí tài chính là 0 triệu đồng bằng 0% so với cùng kỳ thực hiện năm 2025 (0 triệu đồng); Chi phí quản lý doanh nghiệp là 3.487,36 triệu đồng bằng 100,29% so với cùng kỳ thực hiện năm 2025 (3.477,07 triệu đồng); Chi phí khác là 2,79 triệu đồng bằng 50,36% so với với cùng kỳ thực hiện năm 2025 là (5,54 triệu đồng).

+ Chỉ tiêu hoạt động của doanh nghiệp:

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế -291,65 triệu đồng đạt -13,45% so với kế hoạch UBND tỉnh giao (2.168,00 triệu đồng)

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là -291,65 triệu đồng đạt -16,81% so với kế hoạch UBND tỉnh giao (1.735,00 triệu đồng)

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân -2,43%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản -1,68%.

+ Phân tích về lưu chuyển tiền tệ trong kỳ:

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	- 562,4 trđ
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV& DT khác:	25.190,7 trđ
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ:	- 915,6 trđ
Tiền chi trả cho người lao động:	- 1.452,8 trđ
Tiền chi trả lãi vay:	0 trđ
Tiền chi nộp thuế TNDN:	- 23,7 trđ
Tiền thu khác cho HĐKD:	4.839,0 trđ
Tiền chi khác cho HĐKD:	- 28.199,9 trđ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:	0,6 trđ
Tiền chi xây dựng TSCĐ:	trđ
Tiền thu từ thanh lý, tiền phạt vé hỏng:	trđ
Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác:	0 trđ
Tiền thu hồi đầu tư :	0 trđ
Tiền thu lãi cho vay:	0,6 trđ
Tiền thu từ đi vay:	0 trđ

Tiền trả nợ gốc vay;	0 trđ

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính: không phát sinh

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ:	- 561,8 trđ
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	1.995,19 trđ
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	1.433,39 trđ

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ: 1.995,19 triệu đồng.

+ Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh: Dòng tiền tạo ra từ các hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý I năm 2026 là 30.029,78 triệu đồng; các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh là 30.592,25 triệu đồng; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là -562,47 triệu đồng.

+ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư: trong quý I năm 2026 dòng tiền thu từ các hoạt động đầu tư là 0,68 triệu đồng; các khoản chi cho hoạt động đầu tư là 0 triệu đồng; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư là 0,68 triệu đồng.

+ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính: trong quý I năm 2026 dòng tiền thu từ đi vay là 0 triệu đồng; tiền trả nợ gốc vay là 0 triệu đồng.

+ Tiền và tương đương tiền cuối kỳ: 1.433,39 triệu đồng.

+ Dự báo về lưu chuyển tiền tệ trong năm 2026: Dòng tiền tạo từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp đảm bảo cân đối các chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

+ Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước: trong quý I năm 2026 Công ty phải nộp ngân sách số tiền 5.703,36 triệu đồng. Công ty đã nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.295,19 triệu đồng.

+ Trong quý I năm 2026 Công ty trích lập các quỹ số tiền là 0 triệu đồng, trong đó: quỹ khen thưởng, phúc lợi là 0 triệu đồng; quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp là 0 triệu đồng. Trong kỳ doanh nghiệp đã sử dụng các Quỹ tổng số tiền là 483,32 triệu đồng, trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 355,96 triệu đồng; quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp là 127,36 triệu đồng.

2.3. Việc ban hành quy chế tài chính, quy chế nội bộ và quy chế khác của doanh nghiệp.

Trong Qúy I năm 2026 Công ty đã ban hành các quy chế:

- Quyết định số 01/QĐ-XS ngày 01/01/2026 ban hành Quy chế Tài chính của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang năm 2026, ban hành kèm theo Quyết định:

+ Quy chế chi tiêu nội bộ, chi phí kinh doanh.

+ Quy chế chi trả lương.

+ Quy chế quản lý sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi.

+ Quy chế chi phí đại lý.

+ Quy chế quản lý tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

+ Quy chế quản lý nợ và hàng tồn kho.

2.4. Hoạt động đầu tư của doanh nghiệp.

Trong quý I năm 2026, Công ty đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng là 5.114,67 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đầu tư nào khác.

2.5. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư của doanh nghiệp.

Không có.

2.5 Quản lý vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.

Không có.

3. Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước.

3.1. Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước, Chủ tịch Công ty trong quý I năm 2026.

- Đề nghị UBND tỉnh Phê duyệt và cho ý kiến đối với tiền lương của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Ban điều hành và người lao động Công ty năm 2025.

- Đề nghị Chủ sở hữu giao chỉ tiêu định hướng kế hoạch năm 2026;

- Đê nghị Chủ sở hữu giao nhiệm vụ và các chỉ tiêu cơ bản chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030.

- Quyết định ban hành Quy chế tài chính năm 2026 (bao gồm 6 quy chế kèm theo Quyết định)

- Quyết định phê duyệt phương pháp xác định quỹ tiền lương của người lao động và ban điều hành công ty.

- Thực hiện Báo cáo giám sát tài chính năm 2025.

- Chủ trì, triển khai, đánh giá nhiệm vụ công tác tháng trước và triển khai phương hướng nhiệm vụ hàng tháng tại các Kết luận số 63-KL/CB ngày 09/01/2026; Kết luận số 67-KL/CB ngày 06/02/2026; Kết luận số 71-KL/CB ngày 03/03/2026.

3.2. Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Kiểm soát viên Công ty trong quý I năm 2026.

- Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hoạch của Công ty; Giám sát và đánh giá việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, Giám đốc Công ty;

- Giám sát và đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo và các quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty; Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan; Giám sát các giao dịch của Công ty với các bên có liên quan.

- Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Chủ tịch công ty.

4. Việc chuyển nhượng, thu hồi, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.

Không có.

5. Việc thực hiện kiến nghị, cảnh báo của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan đại diện chủ sở hữu về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và tiếp nhận, xử lý đối với các báo cáo của Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Không có.

6. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng thuê đối với người quản lý doanh nghiệp.

Không có.

7. Việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của doanh nghiệp.

- Trong quý I năm 2026, Công ty áp dụng thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại:

Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước.

- Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt và Cho ý kiến thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại:

Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang;

Văn bản số 4825/UBND-KTTH ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc cho ý kiến về quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của người lao động và Ban điều hành Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang;

- Đã được Chủ tịch Công ty Phê duyệt chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại:

Quyết định số 24/QĐ-XS ngày 19/01/2026 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang phê duyệt đơn giá tiền lương ổn định của người lao động và Ban điều hành Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang;

8. Việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp.

8.1. Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước:

- Thuế, phí nộp ngân sách nhà nước Kế hoạch UBND tỉnh giao 19.537 triệu đồng, thực hiện được 5.246,59 triệu đồng đạt 26,85% so với kế hoạch. *(không bao gồm thuế TNCN đã nộp 48,59 triệu đồng)*

- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN Kế hoạch UBND tỉnh giao 1.693 triệu đồng, thực hiện được 423,54 triệu đồng đạt 25,02% so với kế hoạch.

8.2. Thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế:

- Phân phối lợi nhuận sau thuế Công ty áp dụng thực hiện quý I năm 2026 theo quy định tại:

Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

8.3. Thực hiện trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ Đầu tư phát triển: 0 triệu đồng

- Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 0 triệu đồng

9. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Không có.

10. Việc thực hiện trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước trong công tác chỉ đạo xây dựng các báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Trong Quý I năm 2026 người đại diên phần vồn nhà nước, Chủ tịch Công ty đã thực hiện báo cáo chủ sở hữu nhà nước các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Quản lý và đầu tư vồn nhà nước tại doanh nghiệp đầy đủ. Đăng tải và công bố thông tin về hoạt động của doanh nghiệp trên cổng thông tin điện của Bộ Tài chính và trên website Công ty đầy đủ đúng quy định.

11. Nội dung khác có liên quan đến hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Không có.

(Báo cáo kèm theo các mẫu biểu số 2.A; biểu số 3.A; biểu số 3.B; biểu số 3.C; biểu số 3.E; biểu số 4.A; biểu số 5A; biểu số 6.B)

Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân tỉnh | (Báo cáo)
- Sở Tài Chính:
- Kiểm soát viên;
- Lãnh đạo công ty;
- Lưu VT, KT.

CHỦ TỊCH

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Lê Sơn Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Biểu số 02.A

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 234/BC-XSKT ngày 21/7/2026 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Tổng Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	Số phải nộp ngân sách	Có dấu hiệu Mất an toàn về tài chính	Mức độ bảo toàn vốn của doanh nghiệp	Phương thức giám sát, kiểm tra (gián tiếp/ trực tiếp)	Ghi chú
A	Tập đoàn								
B	Tổng Công ty								
C	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang	19.805,37	-291,65	-2,43	5.246,59	Không	Tốt	Trực tiếp	
	Hợp nhất								
	Công ty mẹ								

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lương Việt Hân

CHỦ TỊCH

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Lê Sơn Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Biểu số 03.A

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH QUÝ I NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 234/BC-XSKT ngày 21/7/2026 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Cùng kỳ X-2	Cùng kỳ X-1	Kỳ báo cáo X		Biến động so với (tỷ lệ %)		
				KH	TH	Cùng kỳ X-2	Cùng kỳ X-1	Kế hoạch kỳ báo cáo
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)=(4)/(2)	(7)=(4)/(3)
A	**Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh**							
1	Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
2	Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3	Tồn kho cuối kỳ							
B	**Chỉ tiêu tài chính**							
1	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.395,98	20.299,78	81.818,18	22.643,39	111,02%	111,55%	27,68%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2.660,22	2.647,67	10.672,18	2.953,36	111,02%	111,55%	27,67%
3	DT thuần về bán hàng và CCDV	17.735,76	17.652,10	71.146,00	19.690,03	111,02%	111,54%	27,68%
4	Giá vốn hàng bán							
5	LN gộp về bán hàng và CCDV	3.517,59	3.615,06		3.083,17	87,65%	85,29%	
6	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư							
7	Doanh thu hoạt động tài chính	0,33	240,73	400,00	101,76	30466,17%	42,27%	25,44%
8	Chi phí tài chính	-	-		-			
9	Chi phí bán hàng							
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.363,23	3.477,07		3.487,36	103,69%	100,30%	
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	154,70	256,83		(302,43)	-195,50%	-117,76%	
12	Thu nhập khác	6,86	8,08	21,00	13,58	197,89%	168,09%	64,65%
13	Chi phí khác	11,39	5,54		2,80	24,55%	50,45%	
14	Lợi nhuận khác	(4,53)	2,53		10,78	-237,81%	425,58%	

15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	150,16	259,36	2.168,00	(291,65)	-194,23%	-112,45%	-13,45%
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	32,23	52,89	433,00	-	0,00%	0,00%	0,00%
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	117,94	206,48	1.735,000	(291,65)	-247,30%	-141,25%	-16,81%
C	**Hiệu quả sử dụng vốn**							
1	LNST/TTS (ROA)	0,51%	0,99%		-1,68%	-327,43%	-169,35%	
2	LNST/VCSH (ROE)	0,98%	1,72%	14,46%	-2,43%	-247,30%	-141,25%	-16,81%
3	LNST/DT THUẦN (ROS)	0,66%	1,15%	2,42%	-1,47%	-221,55%	-127,67%	-60,74%

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lương Việt Hân

CHỦ TỊCH

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Lê Sơn Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Biểu số 03.B

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 234/BC-XSKT ngày 21/7/2026 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau hoặc nộp thừa	Số tiền thuế GTGT, TTĐB còn được khấu trừ
1	**Thuế**	**1.715,00**	**5.244,68**	**5.047,79**	**1.911,89**	
	- Thuế GTGT	744,95	2.291,33	2.197,84	838,44	
	- Thuế TNDN	(22,21)	-	23,78	(45,99)	
	- Thuế TTĐB	992,25	2.953,36	2.826,16	1.119,44	
	- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu					
	- Các khoản thuế khác	-	-	-	-	
2	**Các khoản phải nộp khác**	**82,61**	-	**198,81**	**(116,20)**	
	- Phí, lệ phí	-	-	-	-	
	- Tiền chậm nộp, tiền phạt					
	- Các khoản phải nộp khác	82,61	-	198,81	(116,20)	
3	**Nộp NSNN theo quy định**	**1.797,61**	**5.244,68**	**5.246,59**	**1.795,70**	

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lương Việt Hân

CHỦ TỊCH

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Lê Sơn Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Biểu số 03.B

II. TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP CÁC QŨY QUÝ I NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 234/BC-XSKT ngày 21/7/2026 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng LNST phân phối	**0,00**	
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		
	- LNST được phân phối kỳ báo cáo	0,00	
2	Các khoản phân phối theo quy định		
	- Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế (nếu có)		
	- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế		
	- Xử lý chi phí theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 25 Luật số 68/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành		
3	Trích lập các Quỹ	**0,00**	
	- Quỹ Đầu tư phát triển		
	- Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	0,00	
	- Quỹ theo quy định pháp luật liên quan		
4	Nộp NSNN (Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp NSNN)	**0**	
5	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau		

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lương Việt Hân

CHỦ TỊCH

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Lê Sơn Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Biểu số 03.B

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC QUỸ QUÝ I NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 234/BC-XSKT ngày 21/7/2026 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dư đầu kỳ báo cáo	Tăng trong kỳ báo cáo	Giảm trong kỳ báo cáo	Dư cuối kỳ báo cáo
1	Quỹ Đầu tư phát triển				
2	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	887,46	0,00	483,32	404,14
3	Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lương Việt Hân

CHỦ TỊCH

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Lê Sơn Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Biểu số 03.B

IV. CƠ CẤU TÀI SẢN, NGUỒN VỐN, NỢ PHẢI THU, NỢ PHẢI TRẢ QUÝ I NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 234/BC-XSKT ngày 21/7/2026 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Đầu kỳ báo cáo	Cuối kỳ báo cáo	So sánh tăng, giảm (+/-)
1. Tổng tài sản	**17.498,22**	**17.380,96**	**-117,27**
Tài sản ngắn hạn	7.604,63	7.401,12	-203,51
Tài sản dài hạn	9.893,59	9.979,84	86,24
2. Tổng nguồn vốn	**17.498,22**	**17.672,61**	**174,39**
Trong đó VCSH			
+ Vốn góp của chủ sở hữu	12.000,00	12.000,00	0,00
+ LNST chưa phân phối			
3. Quản lý nợ	**5.498,22**	**5.672,61**	**174,39**
3.1. Nợ phải thu			
Nợ phải thu ngắn hạn			
Nợ phải thu dài hạn			
3.2. Nợ phải trả	**5.498,22**	**5.672,61**	**174,39**
Nợ phải trả ngắn hạn	4.824,72	5.015,61	190,89
Nợ phải trả dài hạn	673,50	657,00	-16,50
3.3. Chỉ tiêu			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	0,31	0,33	0,01
Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	0,46	0,47	0,01
4. Chỉ tiêu thanh toán			
Khả năng thanh toán tổng quát	3,18	3,06	-0,12
Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,58	1,48	-0,10
Khả năng thanh toán nhanh	1,54	1,45	-0,09

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lương Việt Hân

CHỦ TỊCH

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Lê Sơn Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN

Biểu số 03.C

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB QUÝ I NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 234/BC-XSKT ngày 21/7/2026 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện <kỳ báo cáo>					Giá trị giải ngân <kỳ báo cáo>					Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Năm trước chuyển sang	Kế hoạch năm	Thực hiện trong năm	So với KH (%)	Lũy kế	Năm trước chuyển sang	Kế hoạch năm	Thực hiện trong năm	So với KH (%)	Lũy kế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16) =(15	(17)	(18)	(19)	(20)	(21) =(20	(22)	(23)
I	**Dự án đầu tư do doanh nghiệp là cơ quan chủ quản theo luật đầu tư công**																					
1																						
2																						
	Tổng																					
II	**Khoản đầu tư, dự án đầu tư do cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt (*)**																					
1	Quy hoạch chi tiết dự án Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xổ số kiến thiết huyện Sơn Dương	Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương	638,5	638,5	100%			Trên 240 ngày									562,5				562,5	
2	Quy hoạch chi tiết dự án Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xổ số kiến thiết huyện Chiêm Hóa	Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 28/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa	419,8	419,8	100%			Trên 240 ngày									334,1				334,1	
	Tổng		1.058,3	1.058,3													896,6				896,6	
III	**Dự án, khoản đầu tư khác (báo cáo số tổng)**																					

	Khảo sát, lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang	Quyết định số 54/QĐ-XS ngày 15/5/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang	177,4	177,4	100%			Trên 240 ngày									140,0				140,0	
	Tổng		177,4	177,4													140,0				140,0	
IV	**Tổng cộng**																					
1	*Tổng số Dự án*																				3,0	
2	*Tổng mức vốn đầu tư*																				6.000,0	
3	*Tổng vốn chủ sở hữu*																				12.000,0	
4	*Tổng vốn huy động*																				-	
5	*Tổng giá trị giải ngân*																				1.036,6	

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lương Việt Hân

CHỦ TỊCH

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Lê Sơn Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Biểu số 03.E

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 234/BC-XSKT ngày 21/7/2026 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2025				Năm 2026				Ghi chú
			Kế hoạch năm 2025	Thực hiện kỳ Quý/ năm X-1	Thực hiện năm 2025	So sánh TH năm/ KH năm (%)	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện năm 2026 (Quý I)	So sánh TH Quý/ KH năm X (%)	So sánh TH Quý với cùng kỳ năm X-1 (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (6)/(4)	(8)	(9)	(10) = (9)/(8)	(11) = (9)/(5)	
I	**Công ty mẹ**										
1	Sản lượng chủ yếu										
2	Doanh thu	Triệu đồng	65.968,38	17.900,92	69.483,44	105,33%	71.567,00	19.805,37	27,67%	110,64%	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.146,57	259,36	2.154,26	100,36%	2.168,00	-291,65	-13,45%	-112,45%	
4	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	18.500,00	4.473,97	19.132,98	103,42%	19.537,00	5.246,59	26,85%	117,27%	
5	Kế hoạch đầu tư										
5.1	*Tổng vốn đầu tư*										
5.2	*Giá trị thực hiện*										
5.3	*Giá trị giải ngân thực tế*										
II	**Hợp nhất**										
1	Doanh thu	Triệu đồng									
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng									

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lương Việt Hân

CHỦ TỊCH

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Lê Sơn Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Biểu số 04.A

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 234/BC-XSKT ngày 21/7/2026 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu 1			Chỉ tiêu 2			Chỉ tiêu 3			Chỉ tiêu 4			Chỉ tiêu 5	Xếp loại doanh nghiệp
	Tổng doanh thu			Lợi nhuận sau thuế			Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu (ROE)			Giá trị khối lượng thực hiện hoặc giá trị giải ngân			Thực hiện nhiệm vụ được	
Đánh giá	Chỉ tiêu được giao	TH	Kết quả	Chỉ tiêu được giao	TH	Kết quả	Chỉ tiêu được giao	TH	Kết quả	Chỉ tiêu được giao	TH	Kết quả		
	71.567,00	19.805,37	27,67%	1.735,00	-291,65	-16,81%	14,46%	-2,43%	-16,81%					

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lương Việt Hân

CHỦ TỊCH

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Lê Sơn Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Biểu số 05.A

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRỰC TIẾP DOANH NGHIỆP NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 234/BC-XSKT ngày 21/7/2026 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

TT	Tên doanh nghiệp/ Người đại diện	Chỉ tiêu 1		Chỉ tiêu 2		Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Doanh nghiệp chấp hành chính sách, pháp luật	Tình hình chấp hành chính sách, pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Điều lệ doanh nghiệp; ý kiến chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cấp có thẩm quyền; chấp hành, thực hiện các kiến nghị, khuyến nghị của cơ quan thanh	Kết quả đánh giá Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp	Ghi chú
		Chỉ tiêu được giao	Thực hiện	Chỉ tiêu được giao	Thực hiện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lê Sơn Đông - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang	71.567,00	19.805,37	1.735,00	-291,65		Chấp hành tốt	Chấp hành tốt		

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lương Việt Hân

CHỦ TỊCH

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Lê Sơn Đông

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 06.B

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG
QUÝ I NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 234/BC-XSKT ngày 21/7/2026 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/Số cuối kỳ	Năm trước/Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi	**110**	**D (đồng)**		
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111	P(đồng)		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112	P(đồng)		
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước	**120**	**D (đồng)**		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121	D(đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	122	D(đồng)		
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài	**130**	**D (đồng)**		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131	D(đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác	132	D(đồng)		
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước	**140**	**D (đồng)**		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141	D(đồng)		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142	D(đồng)		
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước	143	D(đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144	D(đồng)		
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài	**150**	**D (đồng)**		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151	D(đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152	D(đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153	D(đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154	D(đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155	D(đồng)		
6. Nợ phải trả quá hạn	**200**	**D (đồng)**		
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			**1.828.535.759**	**1.313.391.180**
8. Vốn điều lệ	**300**	**D (đồng)**	**12.000.000.000**	**12.000.000.000**
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	**310**	**P (đồng)**	**5.703.364.952**	**19.648.131.773**
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	330	P(đồng)	5.703.364.952	19.124.324.618
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	350	P(đồng)		
c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NS	351	P(đồng)		523.807.155
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN	352	**P (đồng)**	**5.295.189.391**	**19.132.987.194**
- Lợi nhuận đã nộp NSNN		P(đồng)	198.807.152	367.051.396
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau		**D (đồng)**	**2.236.711.320**	**1.828.535.759**

12. Tổng quỹ lương		**P (đồng)**	**5.561.561.816**	**5.411.549.236**
13. Số lao động bình quân (người)		**P (người)**	**46,00**	**45,89**
14. Tiền lương bình quân người/năm		**P (đồng)**	**120.903.518**	**117.924.368**

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU	CHỦ TỊCH
Lương Việt Hân	**Lê Sơn Đông**